

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ETHINK**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ETHINK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ETHINK TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ETHINK TECHNOLOGY.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110369110

**3. Ngày thành lập:** 29/05/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 195A Ngõ 195 Yên Xá, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0333033468

Fax:

Email: [info@ethink.vn](mailto:info@ethink.vn)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Loại trừ hoạt động đấu giá                                                                                                                                                           | 4610     |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                         | 4649     |
| 3.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                        | 4651     |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                         | 4652     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                     | 4653     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                            | 4659     |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                                                               | 8220     |
| 8.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hợp báo)<br>(Không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chứng trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh) | 8230     |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các hàng hóa Công ty kinh doanh<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                        | 8299     |
| 10. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi<br>(Trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)                                                                                                                                        | 9511     |
| 11. | Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                      | 9639     |
| 12. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                      | 6201     |
| 13. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                        | 6202     |

|     |                                                                                                                                                    |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                    | 6209        |
| 15. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                 | 6311        |
| 16. | Cổng thông tin<br>(Loại trừ hoạt động báo chí)                                                                                                     | 6312        |
| 17. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>(Không bao gồm các dịch vụ cất xén thông tin, báo chí)                                            | 6399        |
| 18. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                                                                             | 7020        |
| 19. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                     | 7120        |
| 20. | Quảng cáo                                                                                                                                          | 7310        |
| 21. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                           | 7320        |
| 22. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                     | 7410        |
| 23. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh giám định cổ vật<br>- Hành nghề tu bổ di tích | 7490        |
| 24. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                       | 4690        |
| 25. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                 | 4719        |
| 26. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                          | 4730        |
| 27. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                     | 4774        |
| 28. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                            | 4791        |
| 29. | Xuất bản phần mềm<br>(Trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                 | 5820(Chính) |
| 30. | Hoạt động viễn thông khác                                                                                                                          | 6190        |
| 31. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>(Loại trừ hoạt động của trung tâm giới thiệu việc làm)    | 7810        |
| 32. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                            | 8110        |
| 33. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                              | 8211        |
| 34. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                             | 4741        |
| 35. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                           | 4761        |
| 36. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                         | 4763        |

|     |                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 37. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí) | 4773 |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

6. **Vốn điều lệ:** 3.600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 360.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                              | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>VĂN TÂN | F0707, Hh2, Khu<br>đô thị mới Dương<br>Nội, Phường Yên<br>Nghĩa, Quận Hà<br>Đông, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 60.120        | 601.200.000              | 16,700       | 0380900307<br>17                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                 | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                 | Tổng số                            | 60.120        | 601.200.000              | 16,700       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                 |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | ĐẶNG HUY<br>ĐẠT   | Số 47 Ngõ 183<br>Phúc Tân,<br>Phường Phúc<br>Tân, Quận Hoàn<br>Kiếm, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam              | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 60.120        | 601.200.000              | 16,700       | 0010920504<br>82                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                 | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                 | Tổng số                            | 60.120        | 601.200.000              | 16,700       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                 |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                    |                                                                                                    |                           |        |             |        |              |
|---|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN TRUNG ĐỨC   | Số 6 LK12 Khu đô thị Mậu Lương, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông         | 60.120 | 601.200.000 | 16,700 | 035088013074 |
|   |                    |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                    | Tổng số                   | 60.120 | 601.200.000 | 16,700 |              |
| 4 | NGUYỄN THỊ VÂN ANH | Nhà số 2A, Ngõ 94 Đường Đại Từ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông         | 59.760 | 597.600.000 | 16,600 | 025195007111 |
|   |                    |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                    | Tổng số                   | 59.760 | 597.600.000 | 16,600 |              |
| 5 | ĐỖ MINH HẢI        | Phòng 912, Chung cư Quốc Tế Booyoung Vina, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 59.760 | 597.600.000 | 16,600 | 001092000684 |
|   |                    |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                    | Tổng số                   | 59.760 | 597.600.000 | 16,600 |              |

|   |                   |                                                                           |                           |        |             |        |              |
|---|-------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 6 | NGUYỄN MINH GIANG | Chung cư 19T1, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 60.120 | 601.200.000 | 16,700 | 001091042008 |
|   |                   |                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                           | Tổng số                   | 60.120 | 601.200.000 | 16,700 |              |
|   |                   |                                                                           |                           |        |             |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN MINH GIANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/08/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001091042008

Ngày cấp: 22/09/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Mai Xá, Xã Quang Lãng, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Chung cư 19T1, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội